CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi

Ngày 30/09/2025	25,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.3%	**10.4%**	**13.1%**

DT thuần
Q3/25
321
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 98.0| 43.8%
YoY: ▲ 112| 53.4%

LN thuần
Q3/25
9.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.71| -36.6%
YoY: ▼71.7| -87.9%

LN sau thuế
Q3/25
8.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.48| -35.8%
YoY: ▼73.1| -90.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.5%
YoY: +/-▼ 4.7%

ROE (TTM)
Q3/25
7.3%
YoY: +/-▼ 16.6%

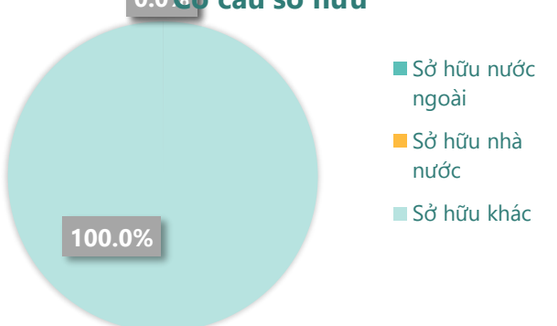
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,167 - 25,667
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	784
Số lượng CPLH (CP)	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,400
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.54
EPS	1,191
P/E	21.2

DT thuần
9T 2025
748
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 77.0| 11.4%

LN thuần
9T 2025
29.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼59.1| -66.7%

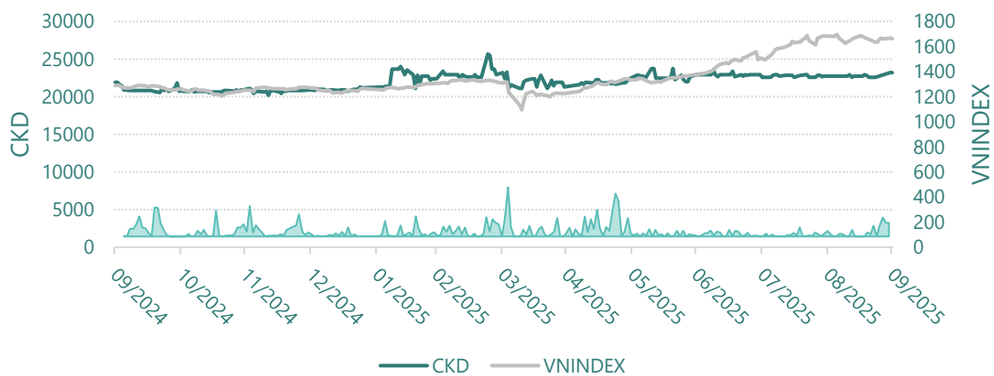
LN sau thuế
9T 2025
23.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼60.9| -71.9%

Cơ cấu sở hữu

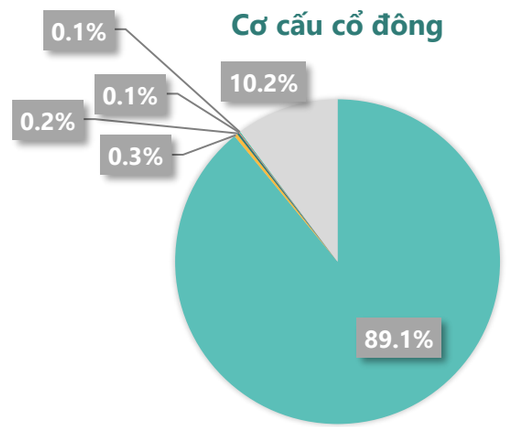


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



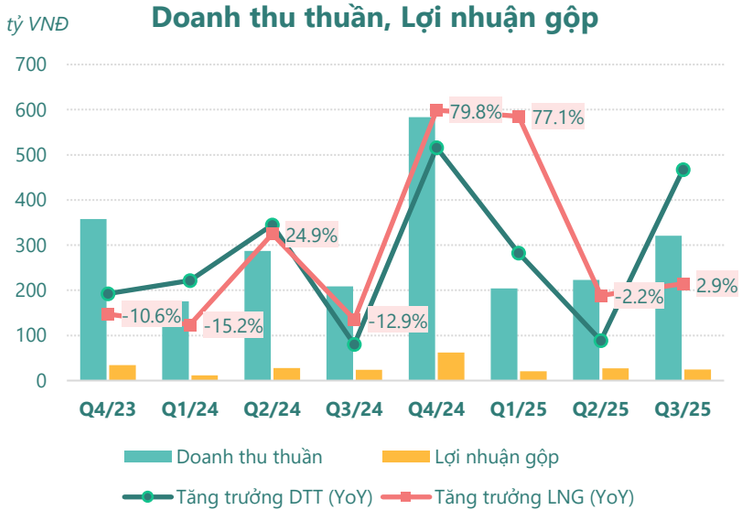
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

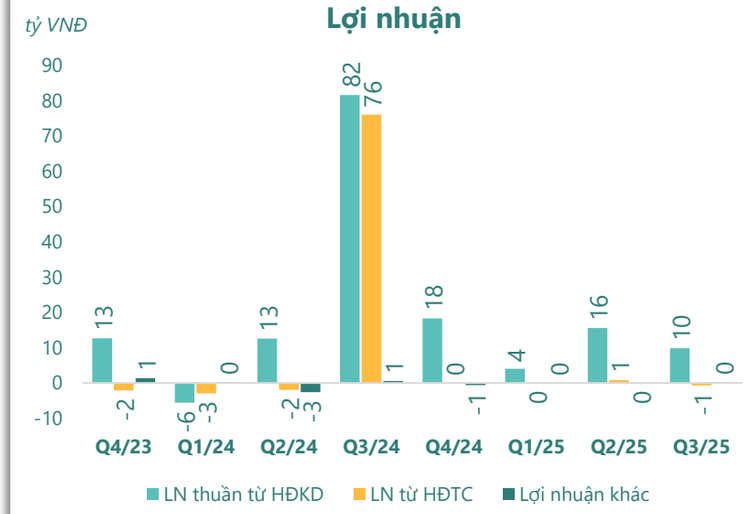
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



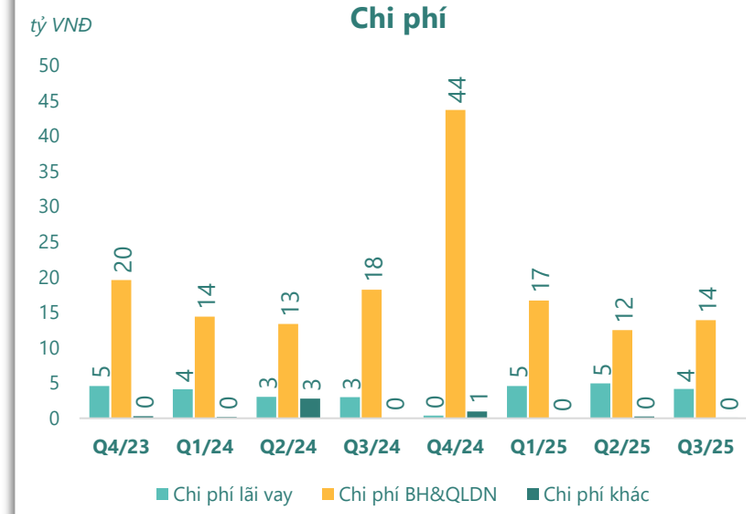
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



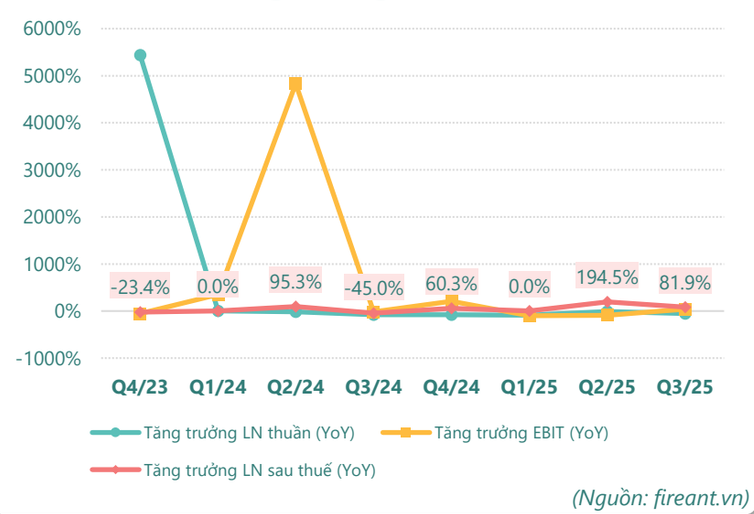
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



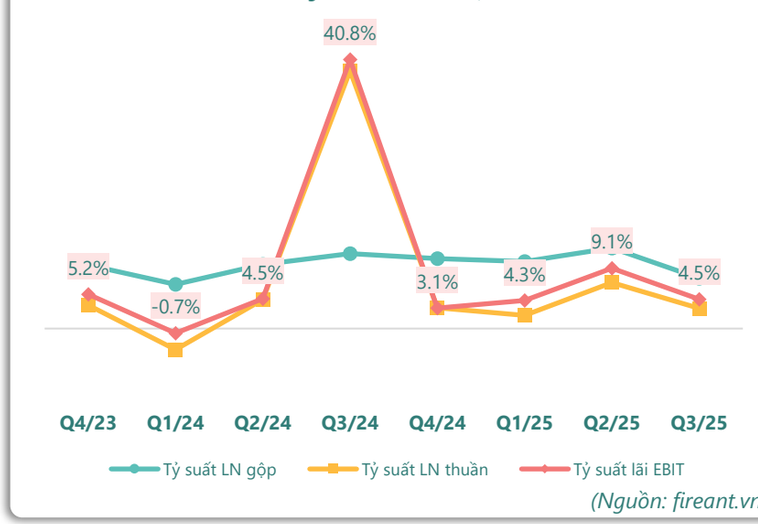
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



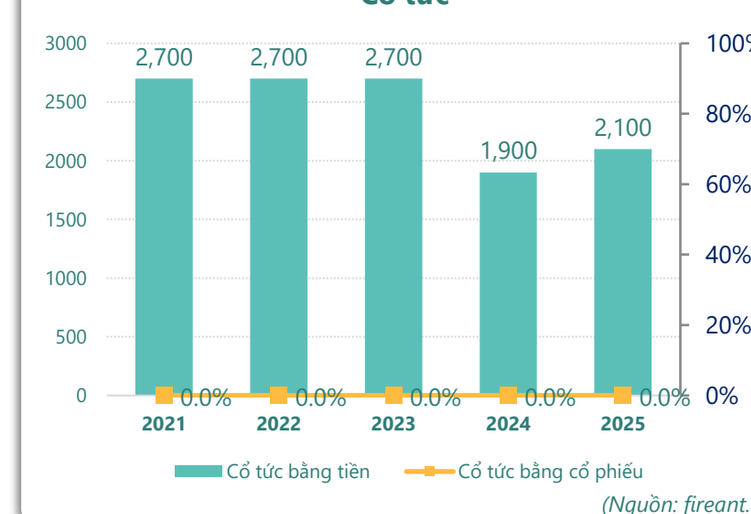
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

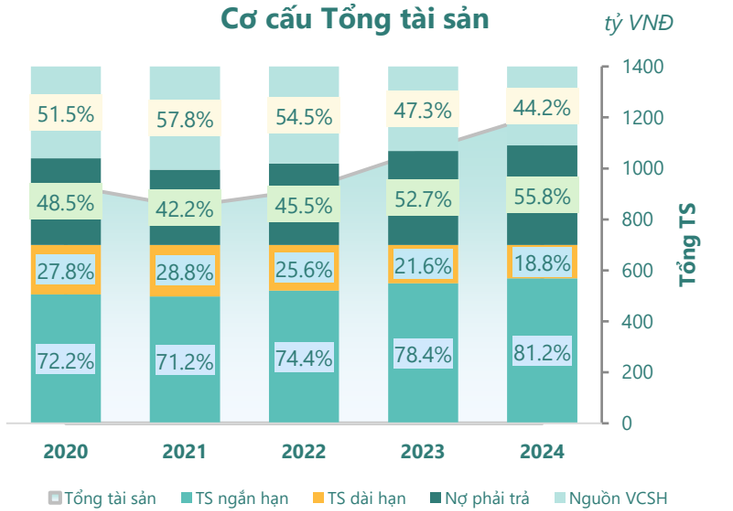
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

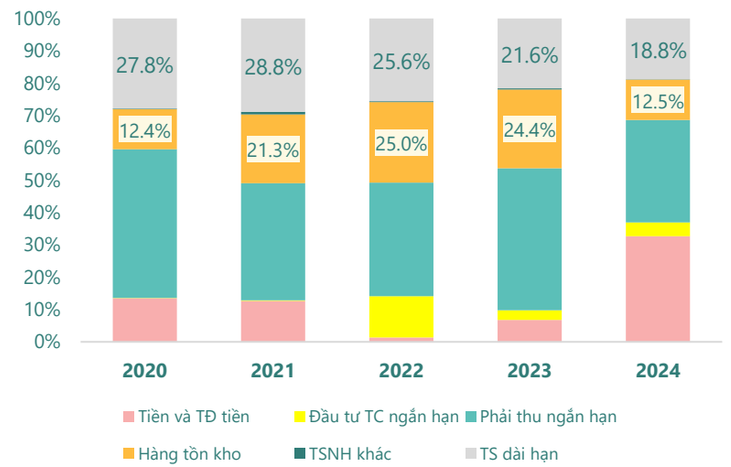
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



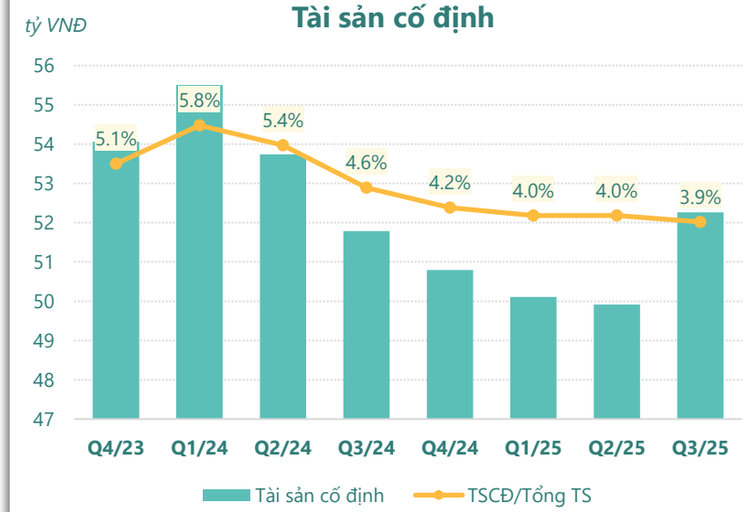
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



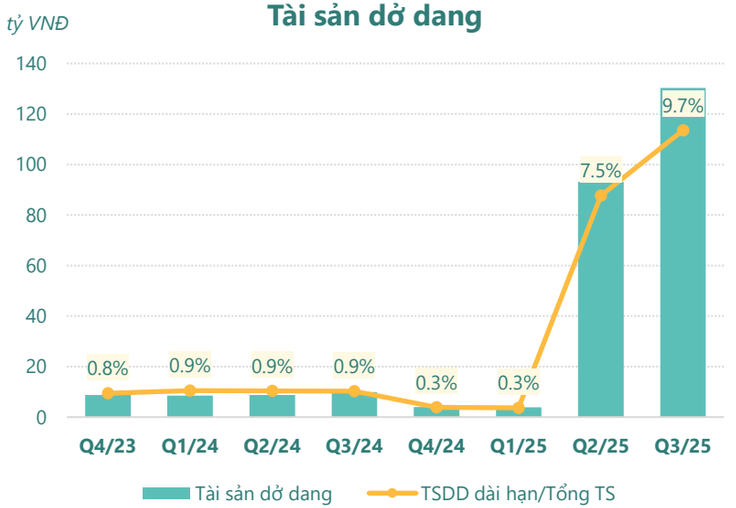
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



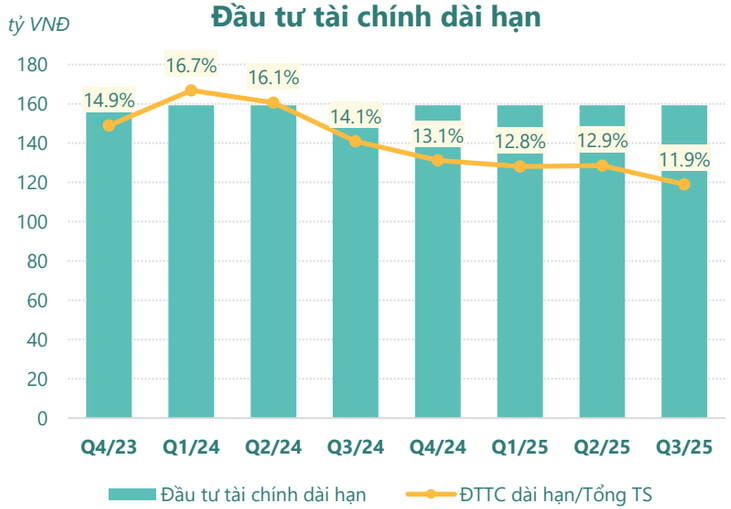
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



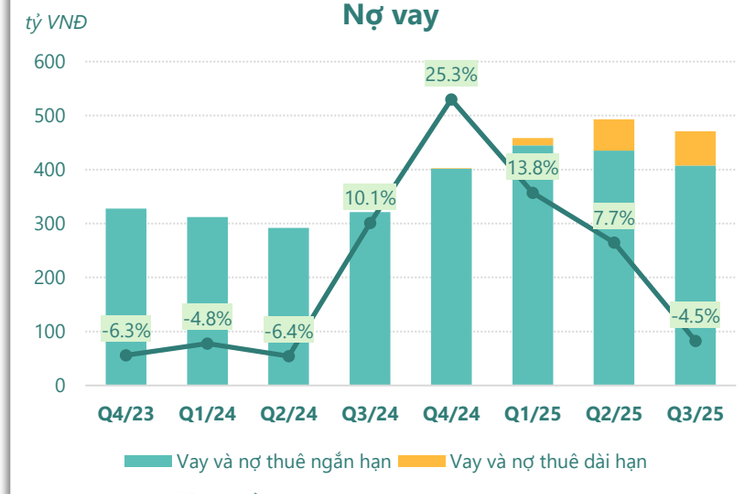
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

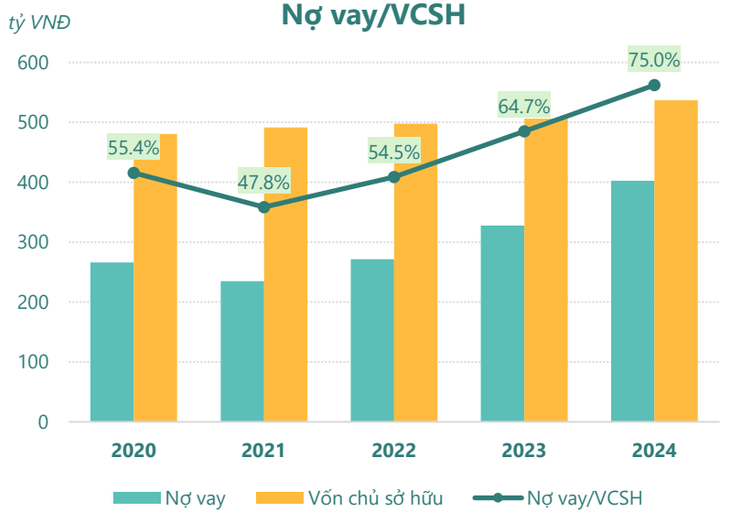
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

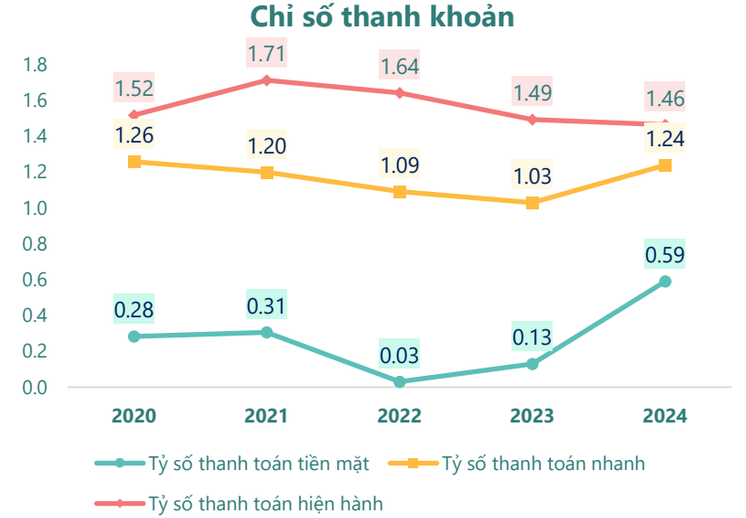
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



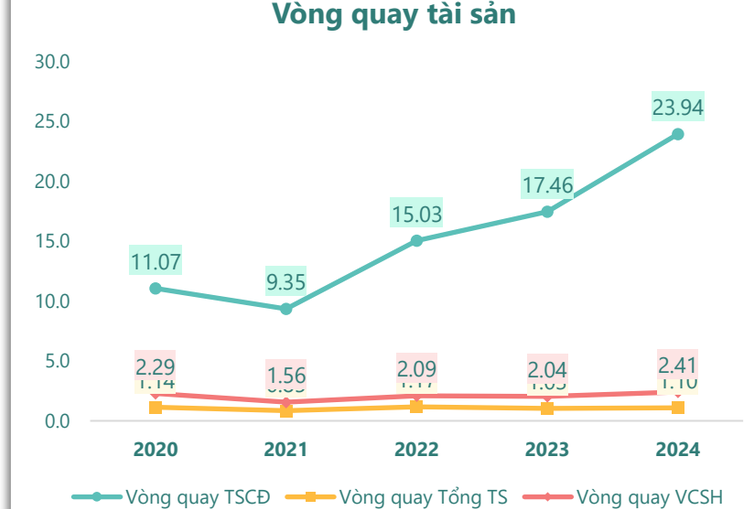
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



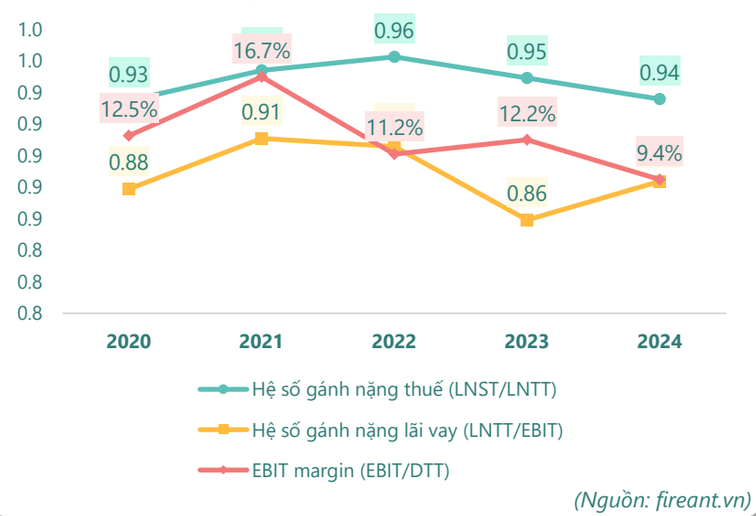
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



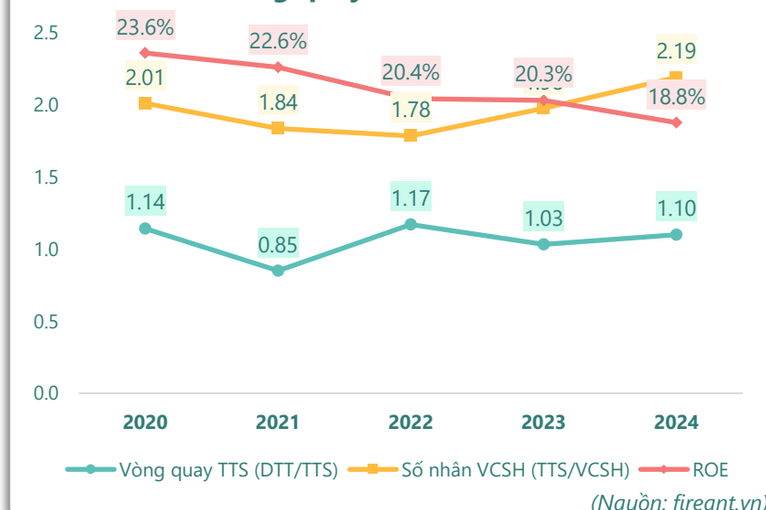
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



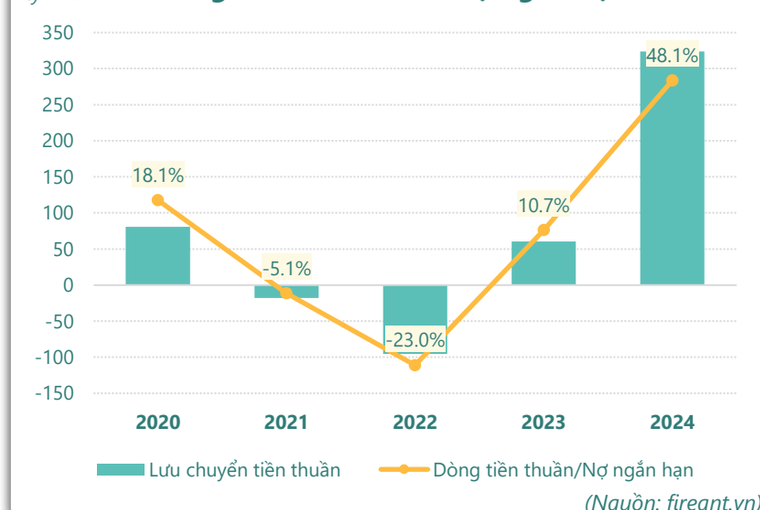
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**321**	**209**	**53.4%**	**748**	**671**	**11.4%**
Giá vốn hàng bán	296	185	60.1%	676	608	11.1%
Lợi nhuận gộp	24.4	23.8	2.7%	72.5	63.4	14.4%
Doanh thu HĐTC	3.51	79.4	-95.6%	13.8	81.7	-83.1%
Chi phí TC	4.17	3.29	26.6%	13.7	10.5	31.0%
Chi phí lãi vay	4.17	2.98	39.8%	13.7	10.1	35.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.13	10.8	-34.0%	20.7	23.5	-12.0%
Chi phí QLDN	**6.78**	**7.46**	**-9.1%**	**22.3**	**22.5**	**-0.6%**
LN thuần từ HĐKD	9.89	81.6	-87.9%	29.5	88.6	-66.7%
Lợi nhuận khác	**0.22**	**0.57**	**-61.4%**	**0.15**	**-1.80**	**108%**
LN trước thuế	10.1	82.2	-87.7%	29.7	86.8	-65.8%
Lợi nhuận sau thuế	**8.02**	**81.1**	**-90.1%**	**23.8**	**84.7**	**-71.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.02**	**81.1**	**-90.1%**	**23.8**	**84.7**	**-71.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.3	149	201	-61.3	21.6	-10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.1	-47.6	-54.9	-21.5	-35.8	-153
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.9	29.4	16.4	55.6	35.1	-22.2
Tiền đầu kỳ	101	103	234	397	370	392
Lưu chuyển tiền thuần	**2.33**	**131**	**163**	**-27.3**	**20.9**	**-186**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.91	-0.91
Tiền cuối kỳ	103	234	397	370	392	205

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,339**	**1,214**	**10.2%**
Tài sản ngắn hạn	984	986	-0.2%
Tiền và tương đương tiền	205	397	-48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	51.3	117%
Phải thu ngắn hạn	416	384	8.2%
Hàng tồn kho	237	152	55.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	1.01	1429%
Tài sản dài hạn	**354**	**228**	**55.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	52.3	50.8	2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	130	4.05	3118%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.6**	**14.1**	**-10.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	855	677	26.3%
Nợ ngắn hạn	**789**	**674**	**17.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	408	402	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	172	165	4.7%
Nợ dài hạn	66.3	3.57	1754%
Vay và nợ thuê dài hạn	63.5	0.88	7091%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**483**	**537**	**-10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**483**	**537**	**-10.0%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)